

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngur**

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thúy Vy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Nguyễn Hải Bằng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 7/7/2020; **Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/ QĐST- HNGĐ ngày 24/7/2020; giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thanh N**, sinh năm 1984 (*có mặt*).

Địa chỉ số: 363, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn M**, sinh năm 1983 (*vắng mặt*).

Địa chỉ số: 242, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng V, chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện ủy quyền của Ngân hàng: Ông Nguyễn H, Phó giám đốc chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Ông **Võ Văn N**;

Bà **Nguyễn Thị H**.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Bà **Võ Thị Thanh T**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2017; biên bản hòa giải ngày 21/11/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông M kết hôn năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/9/2010.

Thời gian đầu bà N và ông M chung sống hòa thuận, hạnh phúc, năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M ghen, chửi nắm vô cớ, thường xuyên xảy ra cự cãi, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống.

Từ ngày 11 tháng 03 năm 2017, đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà N khai vợ chồng có 02 con chung tên:

Hồ Thị Tường V, sinh ngày 21/10/2007;

Hồ Khánh L, sinh ngày 28/9/2009;

Khi ly hôn, bà yêu cầu xin được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số: 247, tờ bản đồ số 09, diện tích: 5247m², do UBND huyện C cấp cho ông Hồ Văn M và bà Võ Thanh N ngày 12/12/2012; 01 căn nhà được Nhà nước cất theo Chương trình 167 trị giá: 20.000.000đ; 01 chiếc xe nhãn hiệu: **YAMAHA, loại xe: SIRIUSFi, biển số: 83P2-831.71, tên chủ xe: Hồ Văn M.**

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng V- Chi nhánh huyện C 20.000.000đ, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu độc, bà N đã trả 10.000.000đ và lãi; phần còn lại là của ông M; nợ ông Võ Văn N 2.000.000đ; bà Võ Thị Thanh T 5.000.000đ. Nhưng ông N, bà T (bỏ) không yêu cầu.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017, bị đơn ông Hồ Văn M trình bày: Ông M đồng ý với bà N trình bày về hôn nhân và con chung. Ông M không đồng ý ly hôn theo yêu của bà N, vì còn thương vợ con, không muốn các con thiếu tình thương của cha mẹ. Nếu bà N cương quyết ly hôn, thì ông xin nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

- Thửa đất số: 247, tờ bản đồ số 09, diện tích: 5247m², do UBND huyện C cấp cho ông Hồ Văn M và bà Võ Thanh N ngày 12/12/2012, do cha mẹ chồng cho lúc hai vợ chồng ra riêng, nếu ly hôn trả đất lại cho cha mẹ, ông không đồng ý chia.

- Một căn nhà được Nhà nước cất theo Chương trình 167 (nhà nước hỗ trợ 8.400.000đ, vay Ngân hàng 8.000.000đ, vợ chồng bù vô 8.000.000đ) mới xây dựng được căn nhà. Nếu bà N ly hôn, ông không đồng ý chia căn nhà, muốn để lại cho 02 đứa con ở.

- Một chiếc xe nhãn hiệu: **YAMAHA, loại xe: SIRIUSFi, biển số: 83P2-831.71, tên chủ xe: Hồ Văn Minh, do ông làm mượn lấy tiền mua khoảng 21.000.000đ. Đây là tài sản riêng của ông, ông không đồng ý chia.**

Về nợ chung:

- Nợ ông Võ Văn N 2.000.000đ, trả 1.000.000đ, còn nợ: 1.000.000đ;

- Nợ bà Võ Thị Thanh T 5.000.000đ, ông không biết, do bà Nhả mượn, ông không đồng ý trả.

- Nợ Ngân hàng V- Chi nhánh huyện C 20.000.000đ, ông đồng ý chia đôi.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017; đơn yêu cầu độc lập ngày 25/12/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại ủy quyền của Ngân hàng ông Nguyễn H trình bày:

Ngày 10/4/2015, Phòng giao dịch huyện C có cho ông Hồ Văn M vay số tiền 12.000.000đ. Mục đích sử dụng tiền vốn vay là xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi. Thời hạn vay là 5 năm, ngày trả cuối kỳ ngày 10/04/2020, đến ngày 25/10/2018 số dư nợ: 12.000.000đ.

Ngày 16/11/2011, Phòng giao dịch huyện C có cho ông Hồ Văn M vay số tiền 8.000.000đ. Mục đích sử dụng tiền vốn vay là xây dựng nhà ở. Lãi suất 0,25%/tháng, lãi quá hạn 0,325%/tháng. Thời hạn vay là 10 năm, ngày trả cuối kỳ ngày 10/11/2021, đến ngày 25/10/2018 số dư nợ: 8.000.000đ.

Đến ngày 02/3/2020, bà N tự trả riêng phần của bà gốc: 10.500.000đ, lãi: 780.000đ, tổng cộng là: 11.280.000đ; số nợ còn lại là của ông M.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả số tiền còn lại gốc: 9.500.000đ, lãi: 1.984.689 đ, tổng cộng là: 11.484.689đ (thay đổi yêu cầu).

Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017; ngày 6/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N trình bày: Ông không yêu cầu đòi lại số tiền 2.000.000đ của N và M thiếu.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2017; ngày 6/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T trình bày: Bà không yêu cầu đòi lại số tiền 5.000.000đ của N và M thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hồ Văn M, ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị Thanh T, được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng ông M, ông N, bà H và bà T đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử **vắng mặt các ông, bà.**

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông M tại phiên hòa giải ngày 21/12/2017 có nguyện vọng nuôi 02 con chung, nhưng tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt, không có ý kiến trình bày gì đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Hồ Thị Tường V, sinh ngày 21/10/2007; Hồ Khánh L, sinh ngày 28/9/2009.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/11/2017 cháu Hồ Thị Tường V và Hồ Khánh L trình bày nguyện vọng, nếu cha mẹ ly hôn 02 cháu xin được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để

chấp nhận nguyện vọng của bà N, giao 02 cháu: Hồ Thị Tường V, sinh ngày 21/10/2007; Hồ Khánh L, sinh ngày 28/9/2009, cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình vì ông M không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, cần xử buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà N mỗi tháng là: 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho một cháu/ tháng đến khi 02 cháu V và L đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án, địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về tài sản chung: Bà N có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung ngày 5/5/2020; cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà cũng yêu cầu xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với: Thửa đất số 247, tờ bản đồ số 09, diện tích: 5247m², do UBND huyện C cấp cho ông Hồ Văn M và bà Võ Thanh N ngày 12/12/2012; 01 căn nhà được Nhà nước cất theo Chương trình 167 trị giá: 20.000.000đ; 01 chiếc xe nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: SIRIUSFi, biển số: 83P2-831.71, tên chủ xe: Hồ Văn M. Xét thấy việc bà N rút lại yêu cầu là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà N.

[6] Về nợ chung: Bà và ông M nợ Ngân hàng V, chi nhánh C, tổng cộng 02 khoản là: 20.000.000đ. Đến ngày 02/3/2020, bà N trả 50% số tiền đã thiếu cho Ngân hàng là: gốc 10.500.000đ, lãi 780.000đ, tổng cộng là: 11.280.000đ, số tiền dư nợ còn lại tại Ngân hàng đến ngày 17/8/2020 là: 11.484.689 (trong đó gốc 9.500.000đ, lãi 1.984.689đ) là phần nợ của ông M. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu một mình ông M thực hiện nghĩa vụ trả số nợ nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng. Áp dụng khoản 1 Điều 224, Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự, buộc ông Hồ Văn M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi: 11.484.689 đồng.

Đối với số tiền bà N, ông M nợ: Ông N 2.000.000đ, bà T 5.000.000đ. Xét thấy họ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị H, ngày 01/7/2019 Tòa án có lấy lời khai, bà từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Từ đó tòa án không có đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy bà H không quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nên Hội đồng xét xử bác tư cách bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[7] Về chi phí tố tụng: Hết 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), bà N phải chịu là: 4.650.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 4.650.000đ, nên bà N đã nộp xong nghĩa vụ chi phí tố tụng.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

Ông Hồ Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng theo định kỳ là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Ông Hồ Văn M phải chịu án dân sự sơ thẩm (khoản nợ của Ngân hàng) là: 574.234đ (11.484.689đ x 5% = 574.234đ).

Ngân hàng V- Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Thanh N được ly hôn với bị đơn Hồ Văn M;

2. Về con chung: Giao 02 cháu Hồ Thị Tường V, sinh ngày 21/10/2007; Hồ Khánh L, sinh ngày 28/9/2009, cho nguyên đơn Võ Thị Thanh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

3. Về cấp dưỡng: Buộc bị đơn Hồ Văn M phải cấp dưỡng nuôi con cho bà N mỗi tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho một cháu/tháng.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà N.

5. Về nợ chung: Buộc bị đơn Hồ Văn M phải trả số tiền vay nợ gốc, lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1,2 Điều 244; khoản 1,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh N.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh N được ly hôn với ông Hồ Văn M.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên: Hồ Thị Tường V, sinh ngày 21/10/2007; Hồ Khánh L, sinh ngày 28/9/2009, cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Hồ Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N mỗi tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho một cháu/tháng; cấp dưỡng cho 02 cháu V và L đến khi đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án, địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Kể từ khi bà Võ Thị Thanh N, có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M không chịu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông M còn phải chịu thêm số tiền

lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị Thanh N đối với (Thửa đất số: 247, tờ bản đồ số 09, diện tích: 5247m², do UBND huyện C cấp cho ông Hồ Văn M và bà Võ Thanh N ngày 12/12/2012; 01 căn nhà được cất theo Chương trình 167; 01 chiếc xe nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe: SIRIUSFi, biển số: 83P2-831.71, tên chủ xe: Hồ Văn M).

Chấp đơn yêu cầu độc lập của cho Ngân hàng V- Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng kiện ông Hồ Văn M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Hồ Văn M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V- Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền gốc và lãi: 11.484.689 đồng (trong đó gốc 9.500.000đ, lãi 1984.689đ).

Kể từ ngày 18/8/2020, ông Hồ Văn M phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

- Về chi phí tố tụng: Hết 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), bà N phải chịu là: 4.650.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 4.650.000đ, nên bà N đã nộp xong nghĩa vụ chi phí tố tụng.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh N phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009820, ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Hồ Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng theo định kỳ là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Ông Hồ Văn M phải chịu án dân sự sơ thẩm (khoản nợ của Ngân hàng) là: 574.234đ (Năm trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng V- Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- cơ quan đang ký kết hôn.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh